**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024  
NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG  
TRƯỜNG MẦM NON B XÃ NGŨ HIỆP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tên mục tiêu** | **Mục tiêu giáo dục** | **Nội dung – Hoạt động giáo dục** |
| **I. Giáo dục phát triển thể chất** | | |  |
| **a) Phát triển vận động** | | |  |
| **1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | |  |
| 1 | MT1 | 1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân. | **Hoạt động khác:**  Thể dục sáng:  - Hô hấp: Thổi nơ.  - Tay: Hai tay đưa lên cao, hạ xuống.  - Bụng: Nghiêng người sang hai bên.  - Chân: Đứng nhún chân.  - Điều hòa: 2 tay đưa sang 2 bên nhẹ nhàng.  - Dân vũ: Pikachu |
| **2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu** | | |  |
| 2 | MT2 | 2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. | **Hoạt động học:**  VĐCB: Đi có bê vật trên tay  TCVĐ: Nu na nu nống  VĐCB: Đi bước vào các ô  TCVĐ: Dung dăng dung dẻ  VĐCB: Chạy theo hướng thẳng  TCVĐ: Dung dăng dung dẻ  VĐCB: Đi theo đường ngoằn nghèo  TCVĐ: Gieo hạt  VĐCB: Chạy đổi hướng  TCVĐ: Lộn cầu vồng  VĐCB: Đi có bê vật trên tay  TCVĐ: Mèo và chim sẻ  VĐCB: Đi theo hiệu lệnh  TCVĐ: Gieo hạt  VĐCB: Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh  TCVĐ: Nu na nu nống  VĐCB: Đi theo hiệu lệnh đi đều  TCVĐ: Thổi bong bóng  VĐCB: Đi kết hợp với chạy  TCVĐ: Trời nắng trời mưa  VĐCB: Đi theo hiệu lệnh  TCVĐ: Gieo hạt  VĐCB: Chạy theo hướng thẳng  TCVĐ: Quốc đất trồng cây  VĐCB : Đi trong đường hẹp  TCVĐ: Thổi bong bóng  VĐCB: Tung bóng bằng 2 tay  TCVĐ: Bóng tròn to  VĐCB: Tung bắt bóng cùng cô  TCVĐ: Con bọ dừa  VĐCB: Tung bóng qua dây  TCVĐ: Một đoàn tàu  VĐCB:Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng  TCVĐ: Gieo hạt  VĐCB: Bò chui qua cổng  TCVĐ:Thổi bong bóng  VĐCB: Bò theo đường ngoằn nghèo  TCVĐ: Bắt bóng  VĐCB: Bò trườn qua vật cản  TCVĐ: Bóng tròn to  VĐCB: Bò thẳng hướng theo đường hẹp  TCVĐ: bắt bướm  VDCB : Ném xa bằng 1 tay  TCVĐ: Một đoàn tàu  VĐCB: Ném trúng đích  TCVĐ: Ô tô và chim sẻ  **Hoạt động khác:**  -TCVĐ: Bóng tròn to; Trời nắng, trời mưa, Gieo hạt, Bắt bướm..  - Tung bắt bóng với nhau, ném bóng vào cột, ném bóng vào ô ...  - Hướng dẫn TC: Con bọ dừa, ..  - TCVĐ: Đá bóng, ném bóng vào rổ... |
| 3 | MT3 | 2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m. |
| 4 | MT4 | 2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng. |
| 5 | MT5 | 2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). |
| **3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay** | | |  |
| 6 | MT6 | 3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”. | **Hoạt động khác:**  - Tổ chức các trò chơi vận động: Gà trong vườn rau, Con bọ dừa, Lộn cầu vồng.  - Cho trẻ thực hiện phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay thông qua hoạt động chơi góc: Xếp chồng các hình khối khác nhau, không làm đổ…  Xếp chồng các hình khối khác nhau, không làm đổ…  -Tô màu, nhào nặn đất.  - Xâu vòng tay, xâu hoa, xếp chồng....  - Chuyển hạt bằng tay  - Kỹ năng cất dọn đồ dùng, đồ chơi  Chuyển bóng bằng tay  Chuyển bông bằng kẹp |
| 7 | MT7 | 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. |
| **b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | |  |
| **1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt** | | |  |
| 8 | MT8 | 1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. | **Hoạt động khác:**  - Trẻ thực hành làm quen với thìa :  + Trẻ tự cầm thìa xúc gọn gàng không rơi vãi  - Trẻ thực hành làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau  - Trẻ biết tên các món ăn hàng ngày  - Thực hành cách sử dụng , thìa, bát  - Thực hành: mời cô, mời bạn khi ăn . Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Che miệng khi ho, hắt hơi  - Cô đọc truyện cho trẻ nghe để trẻ dễ dàng đi vào giấc ngủ  - Luyện cho trẻ thói quen một giấc ngủ trưa  - Trò chuyện tập cho trẻ tập gọi cô khi có nhu cầu đi vệ sinh và đi vệ sinh đúng nơi quy định  - Luyện tập đi vệ sinh đúng nơi qui định cho trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định  Rèn kĩ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định |
| 9 | MT9 | 1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa. |
| 10 | MT10 | 1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định. |
| **2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe** | | |  |
| 11 | MT11 | 2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). | **Hoạt động khác:**  - Trò chuyện với trẻ hoạt động góc nhắc trẻ sau khi chơi xong cất đồ dùng, đồ chơi vào đúng nơi quy định  - Trẻ biết giúp cô một số việc như lấy cốc uống nước hoặc đi vệ sinh biết cất dép lên giá  Hướng dẫn trẻ kỹ năng lau mũi  Rèn trẻ kỹ năng rửa mặt đúng cách  Rèn trẻ cách lấy ghế, bê ghế, ngồi ghế, đứng lên và cất ghế  - Trò chuyện với trẻ để trẻ chấp nhận đội mũ, quàng khăn khi trời lạnh, đội nón, mũ hoặc ô khi trời nắng, trời mưa, đi giầy dép để giữ chân luôn sạch, không làm chân đau.  - Biết yêu cầu bố mẹ, cô giáo mặc quần áo ấm, quàng khăn khi trời lạnh hoặc cởi bớt quần áo khi trời nóng.  Rèn trẻ cất dép lên giá  Rèn kĩ năng đi dép trong nhà vệ sinh  Rèn trẻ cất dép đúng nơi quy định |
| 12 | MT12 | 2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. |
| **3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn** | | |  |
| 13 | MT13 | 3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. | **Hoạt động khác:**  - Nhận biết nguy cơ không an toàn khi đến gần các con vật nuôi.  - Xem tranh ảnh, chỉ vào những đồ vật, nơi nguy hiểm.  - An toàn trong gia đình: tránh ổ điện, bếp.  - An toàn khi tham gia giao thông: Đi cùng người lớn, đội mũ bảo hiểm.  - Xem clip, lựa chọn tranh ảnh phát hiện: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng...  - Xử lý tình huống, phát hiện đúng - sai trong tranh để nhận biết: vật nguy hiểm, vật nào an toàn...  - Trò chuyện cho trẻ xem clip, lựa chọn tranh ảnh một số hành động nguy hiểm : Không nghịch vật sắc nhọn, không được đến gần hồ, ao, sông đường phố.  - Trò chuyện để trẻ biết nguy cơ không an toàn và phong tránh: Vào buồng tắm, nơi chứa nước khi không có người lớn , không được đi ra ngoài 1 mình nghịch lan can và phải tránh : vật sắc nhọn, nguy hiểm, vật nào an toàn... |
| 14 | MT14 | 3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở. |
| **4. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi** | | |  |
| 15 | MT15 | *Cân nặng : Trẻ trai : 12,7 -21,2 kg*  *Trẻ gái : 12,3 -20,9 kg* | **Hoạt động khác:**  Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân:  Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.  - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dưỡng, béo phì…).  Kết hợp y tế cân đo vào biểu đồ cho trẻ  - Trò chuyện về chiều cao của bạn trai, bạn gái  Hoạt động khác:  - Kết hợp và Phối hợp với y tế cân đo và vào biểu đồ sức khỏe của trẻ.  - Trò chuyện về cân nặng bé trai, bé gái  Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.  - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dưỡng, béo phì…).  Kết hợp y tế cân đo vào biểu đồ cho trẻ  - Trò chuyện về chiều cao của bạn trai, bạn gái |
| 16 | MT16 | *Chiều cao : Trẻ trai 94,9 - 111,7 cm*  *Trẻ gái : 94,1 - 111,3 cm* |
| **II. Giáo dục phát triển nhận thức** | | |  |
| **1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan** | | |  |
| 17 | MT17 | 1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | **Hoạt động học:**  Nhận biết : Quả cam - quả chuối  Nhận biết: Các món ăn ngày tết  Nhận biết: Bánh nướng - bánh dẻo  Nhận biết : Hoa mai  Nhận biết : Hoa hồng  **Hoạt động khác:**  -Trò chuyện với trẻ về các bộ phận trên cơ thể, trẻ kể về người bé yêu nhất, các đồ dùng gia đình bé biết, địa chỉ gia đình bé trong hoạt động đón trả trẻ.  - Tổ chức cho trẻ chơi ở các góc như : Tô màu về các bộ phạn trên cơ thể, người bé yêu nhất...  - Dạy trẻ biết tên và cách chơi các đồ chơi ở góc bế em. |
| 18 | MT18 | 2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. |
| **2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi** | | |  |
| 19 | MT19 | 2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. | **Hoạt động học:**  Nhận biết : Đôi mắt của bé  Nhận biết: Đôi bàn tay  Nhận biết : Bộ phận trên khuôn mặt (Cái miệng)  Nhận biết : Trò chuyện về mẹ  Nhận biết : Bạn trai - bạn gái  Nhận biết :Con cá vàng  Nhận biết : Con Mèo  Nhận biết con hổ  Nhận biết : Con gà  Nhận biết: Con voi  Nhận biết: Cái bát - cái thìa  Nhận biết :Cái cốc  Đồ dùng trong lớp bé.  ( Tích hợp hình vuông)  Nhận biết: Ngôi nhà của bé  Đồ dùng cá nhân của bé ( Ba nô)  **Hoạt động khác:**  - Trò chuyện với trẻ về gia đình trẻ vào hoạt động đón trẻ . Trẻ kể tên những người trong gia đình trẻ : Bố,Mẹ ,Ông ,Bà ...  Cho trẻ xem hình ảnh gia đình của bạn hay của gia đình mình  - Trò chuyện với trẻ vào hoạt động góc - hoạt động với đồ vật trẻ nói và chỉ đúng được tên đồ dùng đồ chơi có màu xanh ,đỏ ,vàng theo yêu cầu .  - Rèn trẻ kĩ năng lấy đồ dùng đồ chơi theo yêu cầu của cô  - Rèn trẻ lấy đồ dùng đồ chơi theo kích thước . Chơi xong trẻ biết cất dọn đồ dùng đồ chơi ngăn lắp |
| 20 | MT20 | 2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. |
| 21 | MT21 | 2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. |
| 22 | MT22 | 2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu. |
| 23 | MT23 | 2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. |
| **III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ** | | |  |
| **1. Nghe hiểu lời nói** | | |  |
| 24 | MT24 | 1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. | **Hoạt động học:**  Bố và mẹ  Các bác cấp dưỡng  Cô giáo của con  Cô nhân viên y tế  Chú bộ đội  Truyện : Đôi bàn tay  Truyện: Sóc nâu nhanh trí  Truyện: Thỏ con không vâng lời  Truyện: Vì sao thỏ cụt đuôi  **Hoạt động khác:**  - Cho trẻ xem clip hình ảnh khi trẻ chơi đồ chơi xong cất gọn và rửa tay bằng xà phòng  - Cô trò chuyện với trẻ sau khi chơi xong cất đồ dùng, đồ chơi vào đúng nơi quy định và chơi xong phải biết rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng  - Cho trẻ Tập kể lại chuyện theo tranh trong góc sách chuyện về các giác quan trên khuôn mặt.  - Cho trẻ thực hành sử dụng các từ: “ Ai đây”; “Cái gì đây”. |
| 25 | MT25 | 1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “…làm gì?”, “….thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) |
| 26 | MT26 | 1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. |
| **2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu** | | |  |
| 27 | MT27 | 2.1. Phát âm rõ tiếng | **Hoạt động học:**  Thơ: Đôi mắt  Thơ: Miệng xinh  Thơ: Bà và cháu  Thơ :Yêu mẹ  Thơ : Mẹ và cô  Thơ: Đi dép  Thơ: Bánh chưng  Thơ : Bắp cải xanh  Thơ: dán hoa tặng mẹ  Thơ: bạn mới  Thơ: Giờ chơi  Thơ: Đi chợ tết  Thơ: Con cá vàng  Thơ: Con voi  Thơ: Trăng sáng  Thơ : Cái bát  Thơ : Chú bộ đội  Thơ : Cháu chào ông ạ  **Hoạt động khác:**  Ôn lại các bài thơ trẻ đã được học như bắp cải xanh, yêu mẹ... |
| 28 | MT28 | 2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp** | | |  |
| 29 | MT29 | 3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. | **Hoạt động học:**  - Nhận biết : Bạn trai - bạn gái  **Hoạt động khác:**  - Rèn trẻ trả lời phát âm đủ câu  - Trò chuyện với trẻ để tạo tâm thế vui vẻ, muốn nói chuyện và bày tỏ nhu cầu của mình với cô và các bạn.  - Tập thói quen chào hỏi lễ phép.  Thực hành cho trẻ có thói quen nói to ,rõ ràng  Gặp người lớn biết chào hỏi lễ phép |
| 30 | MT30 | 3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. 0  - Chào hỏi, trò chuyện. 0  - Bày tỏ nhu cầu của bản thân  - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: " Con gì đây?", "Cái gì đây?" |
| 31 | MT31 | 3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép. |
| **IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ** | | |  |
| **1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân** | | |  |
| 32 | MT32 | 1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). | **Hoạt động khác:**  - Trò chuyện với trẻ nói được tên của mình , bao nhiêu tuổi và trò chuyện với cô và bạn qua hoạt động đón trả trẻ.  - Trẻ nhận biết được cảm xúc vui buồn của bạn trong khi chơi.  - Trẻ vui vẻ đén lớp và chơi cùng các bạn |
| 33 | MT33 | 1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích. |
| **2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi** | | |  |
| 34 | MT34 | 2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. | **Hoạt động khác:**  - Trò chuyện với trẻ ở hoạt động đón trẻ . Trẻ thích nói chuyện với cô và những biểu lộ cử chỉ của trẻ  - Lời nói của trẻ rất gần gũi  Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác: chế độ sinh hoạt trong ngày.  - Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ: chế độ sinh hoạt trong ngày.  - Thể hiện sự quan tâm, yêu quý các con vật nuôi qua các hoạt động, hành động.  - Bắt chước tiếng kêu, dáng đi và hành động của các con vật. |
| 35 | MT35 | 2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. |
| 36 | MT36 | 2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. |
| 37 | MT37 | 2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi. |
| **3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản** | | |  |
| 38 | MT38 | 3.4. Biết chào tạm biệt ,cảm ơn ạ , vâng ạ. | **Hoạt động khác:**  - Dạy trẻ biết : Chào hỏi, cảm ơn, vâng dạ  - Rèn trẻ tập nói đủ nghe, không hét to, lễ phép với người lớn.  - Nói câu có từ : “ dạ, vâng ạ”.  Rèn trẻ kỹ năng chào hỏi khi gặp người lớn  Kỹ năng lễ phép chào hỏi  - Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ ( nấu ăn, bế em, nghe điện thoại )  - Thực hiện một số thao tác: gấp quần áo, cài khuy áo.  - Dạy trẻ biết chơi cùng bạn, không tranh giành đồ chơi, không cấu, cắn bạn  - Dạy trẻ biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp nạn  - Thực hiện được một số hành vi tốt trong sinh hoạt hàng ngày ( xếp hàng chờ đến lượt, cất dọn đồ chơi đúng nơi quy định).  - Tham gia các hoạt động trong chế độ sinh hoạt một ngày. |
| 39 | MT39 | 3.1. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ ( Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé , nghe điện thoại) |
| 40 | MT40 | 3.2. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác |
| 41 | MT41 | 3.3. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn |
| **4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh** | | |  |
| 42 | MT42 | 4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. | **Hoạt động học:**  VĐ: Giấu tay  NH: Khúc hát đôi bàn tay  VĐ: Cô và mẹ  NH: Chim mẹ chim con  VĐ: Con gà trống  NH: Cá vàng bơi  VĐ: Bắp cải xanh  TCAN: Ai nhanh nhất  - DH: Em ngoan hơn búp bê  - TCAN: Ai đoán giỏi  - DH : Quả bóng.  - NH : Đu quay.  - DH: Lời Chào buổi sáng  - TCAN: Ai đoán giỏi.  - NH: Lời Chào buổi sáng  - TCAN: Ai đoán giỏi.  - DH: Hay xoay nào.  - TCAN: Tai ai tinh  - DH: Hoa bé ngoan  - NH: Tay thơm tay ngoan  - DH: Biết vâng lời mẹ  - TCAN: Ai đoán giỏi  - DH: Cô và mẹ  - NH:Chim mẹ chim con  - DH: Mẹ yêu không nào.  - TCAN: Tai ai tinh  DH: Quà mồng 8/3  NH: Ngày vui 8/3  DH: Màu hoa  NH: Hoa kết trái  NH: Lý cây xanh  TC: Nghe tiếng trống chuyển đồ vật  DH: Con gà trống mèo con và cún con  TCAN: Ai nhanh nhất  DH: Là con mèo  NH: Thương Con mèo  NH: Chú voi con ở bản đôn  TCAN: Ai đoán giỏi  DH: Bắp cải xanh  TCAN: Ai đoán giỏi  DH: Cả nhà thương nhau  TC: Tai ai tinh  DH: Đôi dép  TC: Ai đoán giỏi  DH: : Lời chào buổi sáng  NH: Cùng múa vui  NH: Chú bộ đội  TC: Ai đoán giỏi  NH: Cả nhà đều yêu  TC: Tai ai tinh  NH: Mùa xuân đến rồi  TC: Ai đoán giỏi  DH: Sắp đến tết rồi  NH: Xúc xắc xúc xẻ  DH: Bé và hoa  NH: Xúc xắc xúc sẻ  LQ với bút màu và vở.  ( Tiết mẫu )  Tô màu con lật đật  ( Tiết mẫu )  Tô màu quả bóng  (Tiết mẫu)  Di màu tự do trên giấy  ( Tiết mẫu )  Vẽ đường về nhà  ( Tiết mẫu)  Vẽ bông hoa  (Tiết mẫu)  Tô màu ba nô  Tô màu cái bát  Tô màu mũ bộ đội  Tô màu cái cốc  **Hoạt động khác:**  Tô - Vẽ: Làm quen với bút màu và vở.  - Nặn: Làm quen với đất nặn. |
| 43 | MT43 | 4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ban giám hiệu | **Khối trưởng** |  |
|  |  |  |